

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 12-01-2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay T
sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Nguyễn Văn Công**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mùa**

Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

-Thư ký phiên tòa: **Bà Nông Thị Ngọc Ánh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Trần Anh Văn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn C , xã P , huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1985 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1991 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã T Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Th Hoá

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2020 và lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Nguyễn Thị O trình bày:

Do quen biết nên bà O có cho bà Th, ông T vay tổng số tiền gốc là 140.000000 đồng trong các đợt như sau:

+ Đợt 1: Vào ngày 16/5/2015 tôi có cho bà Th, ông T vay tổng số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Khi vay chúng tôi có lập giấy viết tay với nhau và không thỏa thuận tiền lãi suất, thỏa thuận bằng miệng về thời hạn trả nợ là vào cuối năm 2015 ông T, bà Th sẽ trả tiền gốc.

+ Đợt 2: Vào ngày 07/3/2016, tôi cho ông T, bà Th vay tiếp số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Khi vay có lập giấy viết tay với nhau và thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 07/3/2017, và không thỏa thuận lãi suất.

+ Đợt 3: Vào ngày 20/10/2016, bà Th, ông T vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, khi vay có lập giấy viết tay và thỏa thuận thời hạn trả nợ vào cuối năm 2016, và không thỏa thuận lãi suất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông T, bà Th vẫn chưa trả cho bà O số tiền gốc vay nào. Vì vậy nay bà O yêu cầu ông T, bà Th phải có nghĩa vụ trả cho bà O tổng số tiền gốc vay là 140.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

2. Tại bản tự khai ngày 07/10/2020 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/11/2020 bị đơn ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2018 ông T, bà Th có vay tiền của bà O với tổng số tiền gốc vay là 140.000.000 đồng. Vay trong 03 đợt. Cụ thể:

+ Đợt 1: Vào ngày 16/5/2015 bà Th, ông T vay tổng số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Khi vay có lập giấy viết tay với nhau và không thỏa thuận tiền lãi suất, thỏa thuận bằng miệng về thời hạn trả nợ là vào cuối năm 2016 ông T, bà Th sẽ trả tiền gốc.

+ Đợt 2: Vào ngày 07/3/2016, ông T, bà Th vay tiếp số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Khi vay có lập giấy viết tay với nhau, và thỏa thuận thời hạn trả nợ vào cuối năm 2016, và không thỏa thuận lãi suất.

+ Đợt 3: Vào ngày 20/10/2016, bà Th, ông T vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, khi vay có lập giấy viết tay và thỏa thuận thời hạn trả nợ vào cuối năm 2016, và không thỏa thuận lãi suất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông T, bà Th chưa trả cho bà O số tiền gốc và lãi suất nào. Nay bà O yêu cầu trả nợ thì ông T, bà Th đồng ý trả tổng số tiền nợ gốc cho bà O.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các T liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử

giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O. Buộc bà Hoàng Thị Th và ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị O tổng số tiền là gốc là 140.000.000 đồng.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay T sản*” do nguyên đơn bà Nguyễn Thị O thực hiện quyền khởi kiện. Mặc dù bị đơn bà Hoàng Thị Th và ông Lê Văn T có địa chỉ tại xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Th Hóa nhưng giữa bà O và ông T, bà Th có biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị Th là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền gốc vay 140.0000.000 đồng Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy vay ngày 16/5/2015, 07/3/2016 và ngày 20/10/2016 được xác lập giữa bà Nguyễn Thị O và ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị Th thì: Việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các Điều 385, 401, 463 Bộ luật dân sự thì hợp đồng này hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay T sản là tiền, ông T, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn trả nợ. Do ông T, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, đối với yêu cầu của nguyên đơn bà O là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó cần buộc ông T, bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà O tổng số tiền gốc vay 140.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà O không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị Th phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các vấn đề khác, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 385, 388, 401, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O.

Buộc ông Lê Văn T và bà Hoàng Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị O tổng số tiền 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Văn T, bà Hoàng Thị Th phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 đồng.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng cho bà Nguyễn Thị O đã nộp theo biên lai thu số 0019410 ngày 31/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND H. Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công